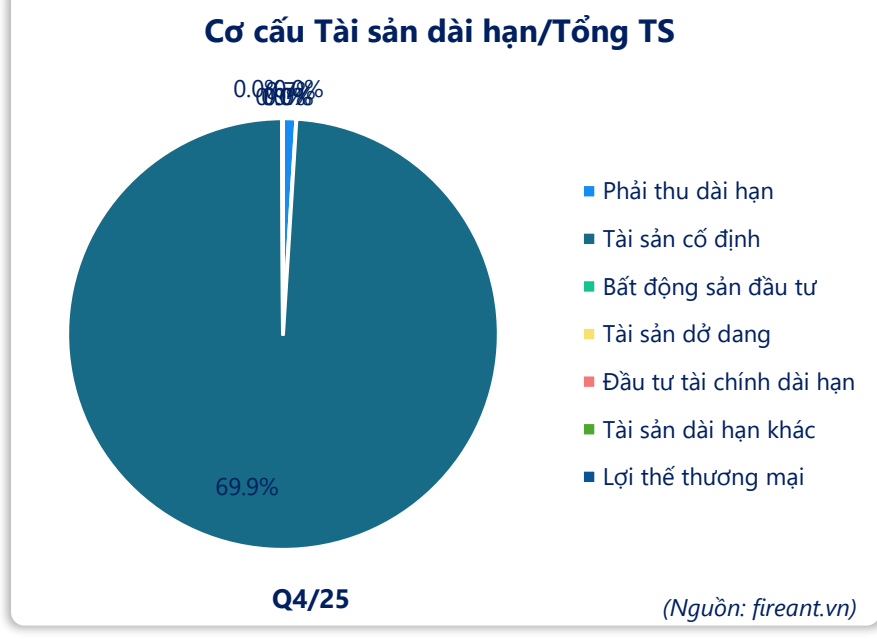
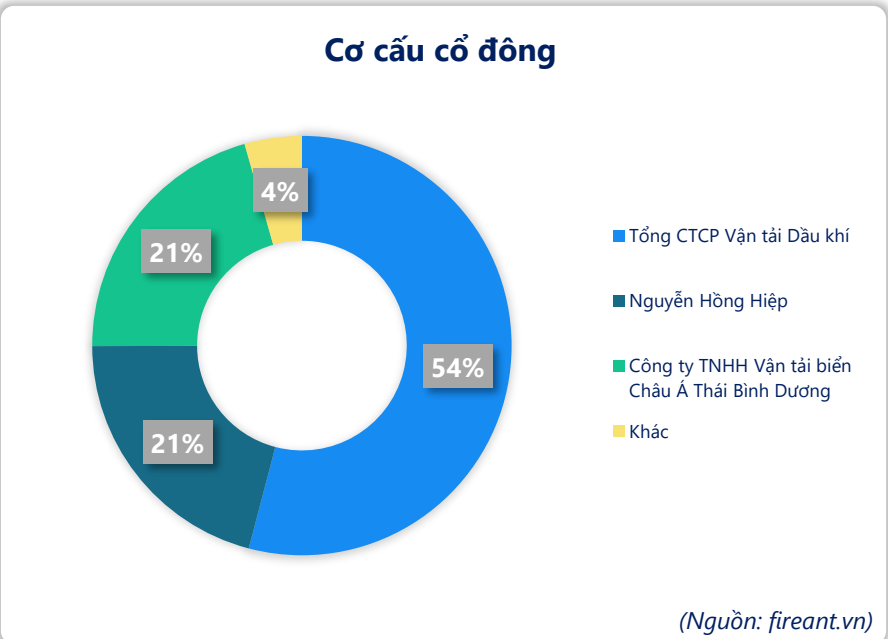
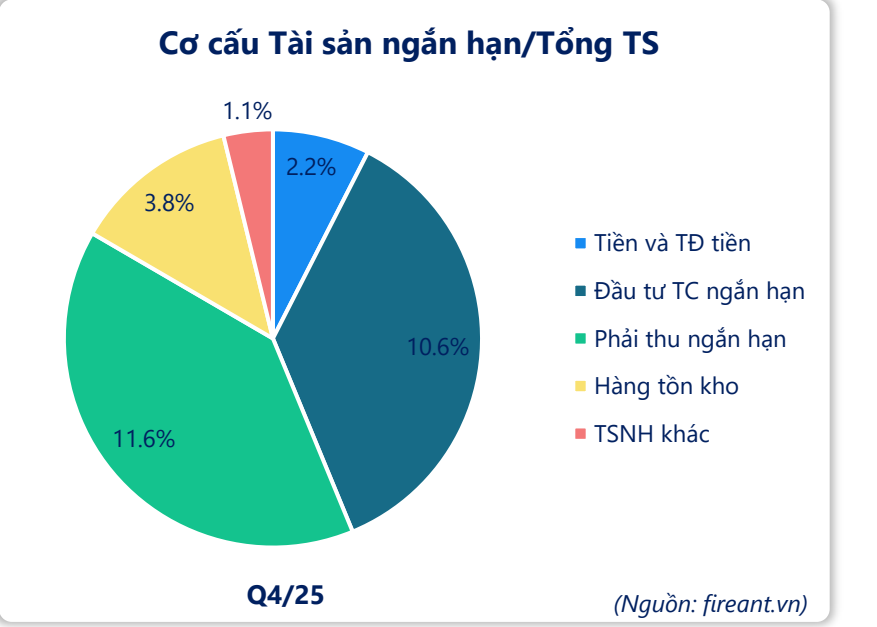
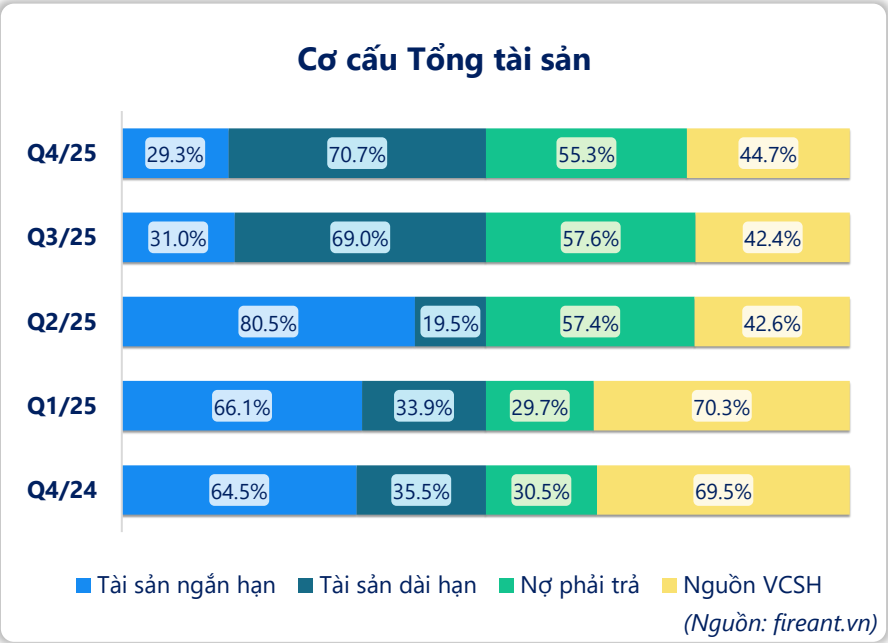
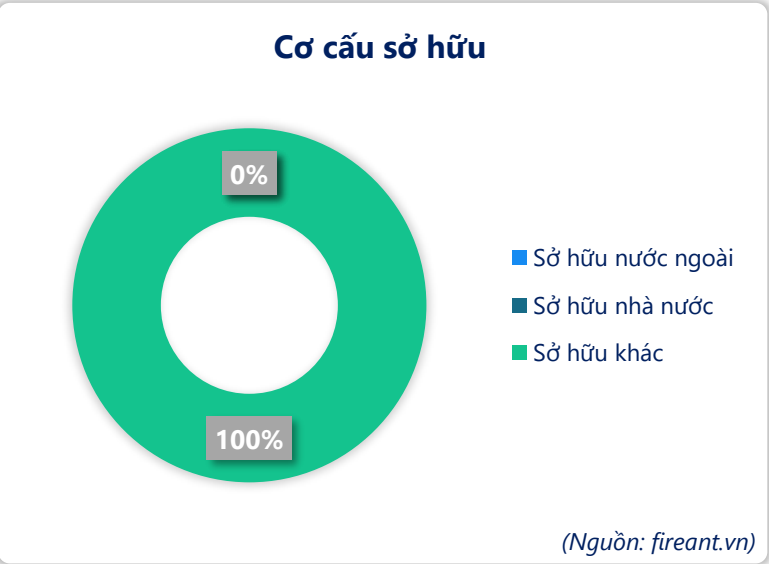
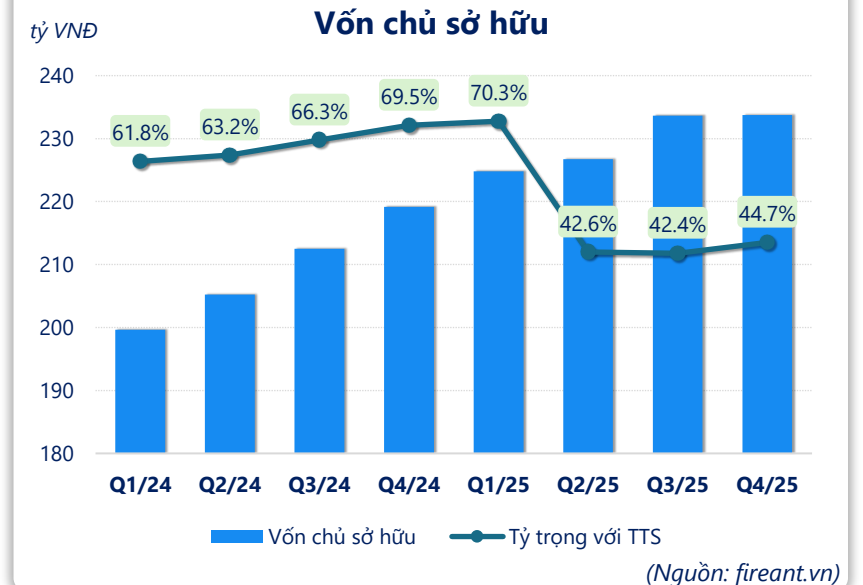
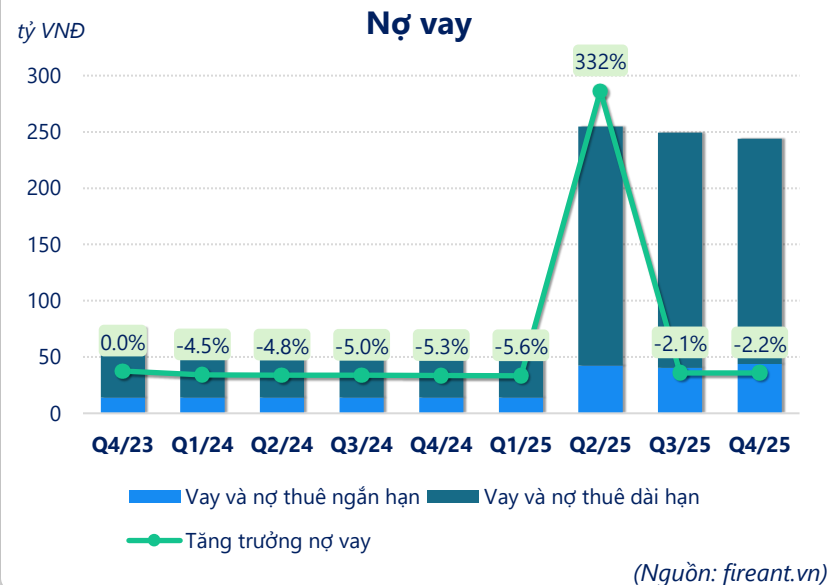
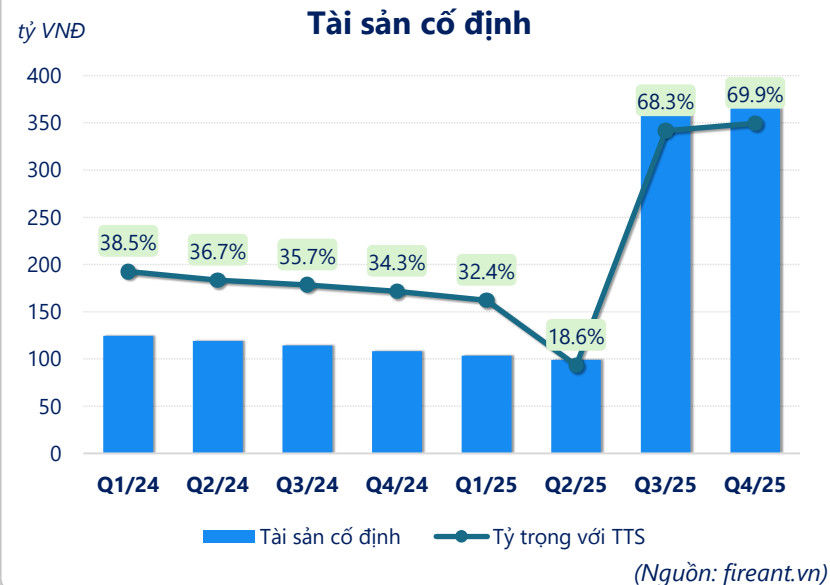
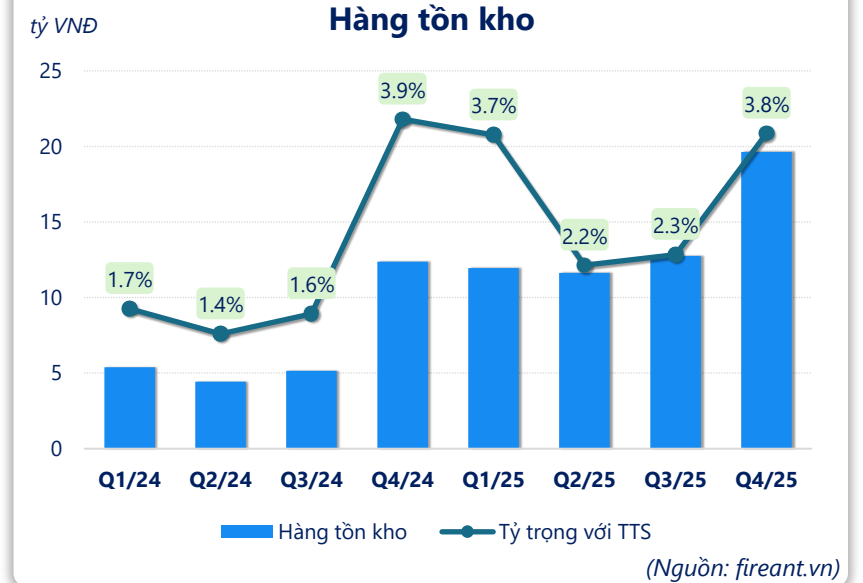
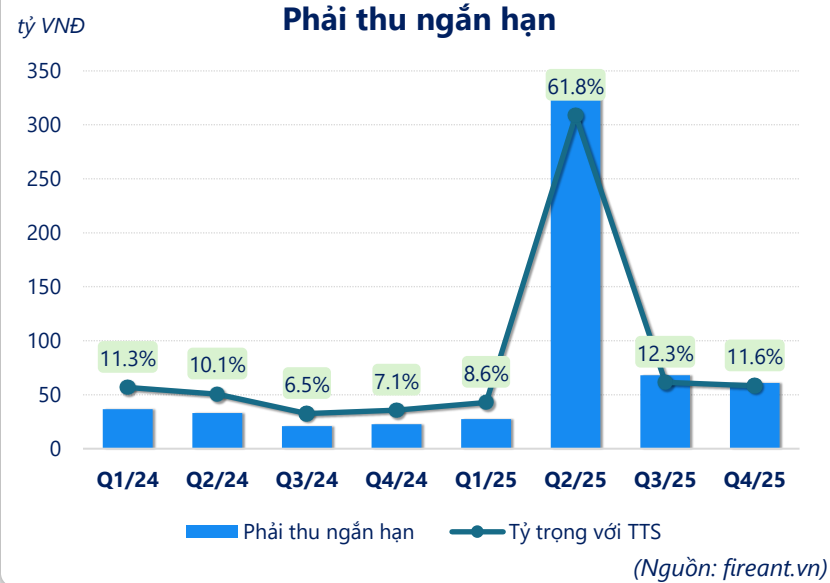
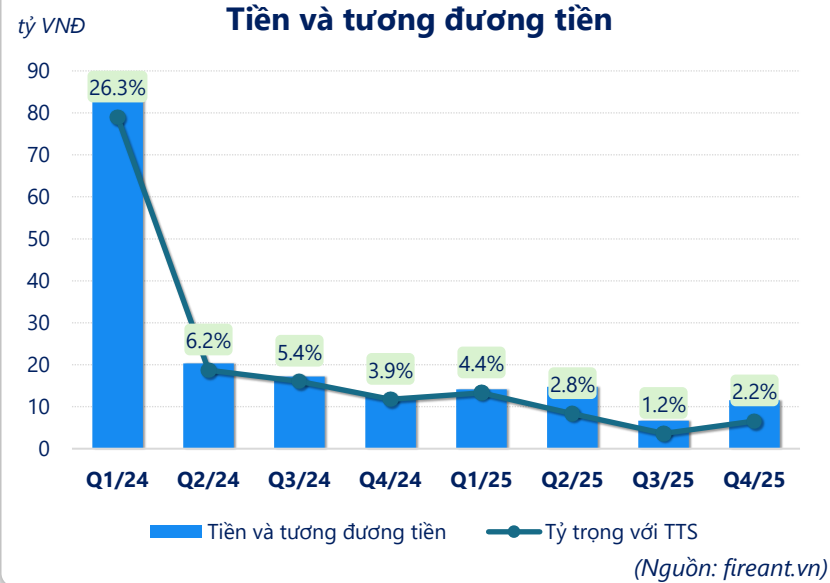
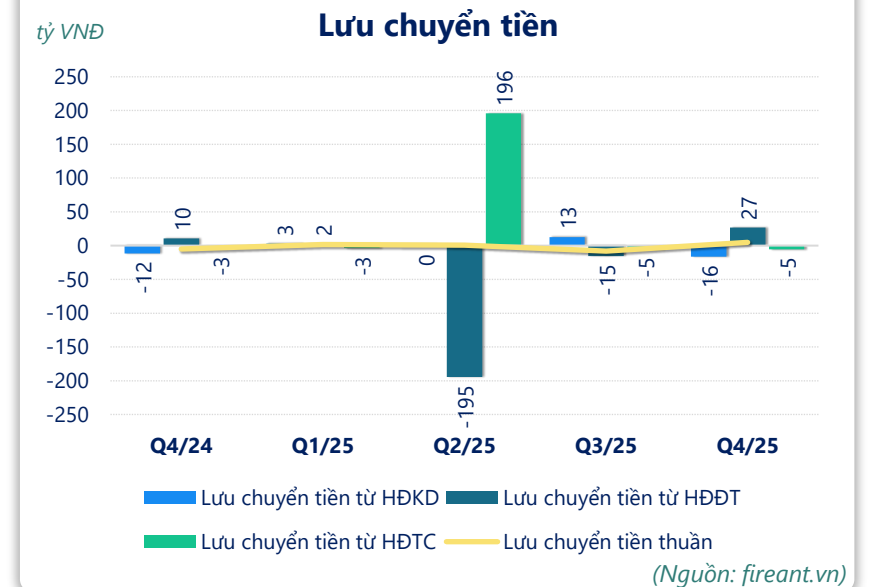
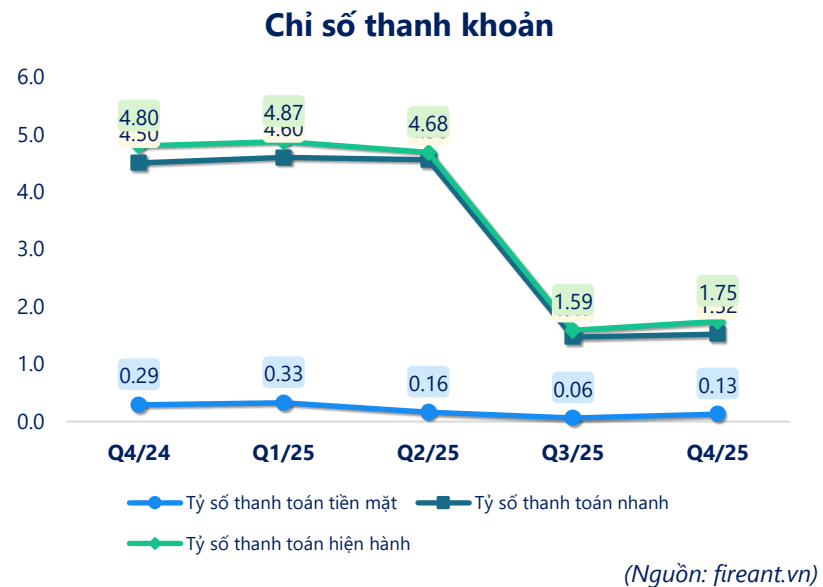
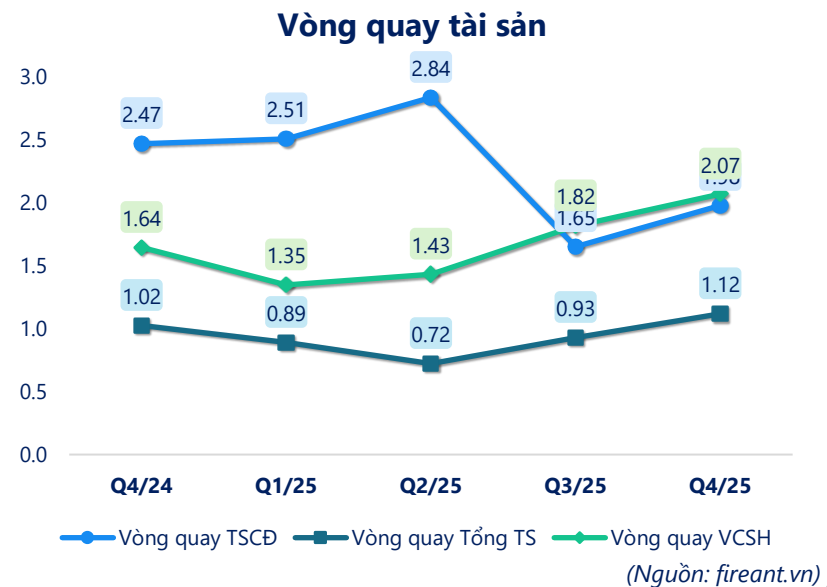
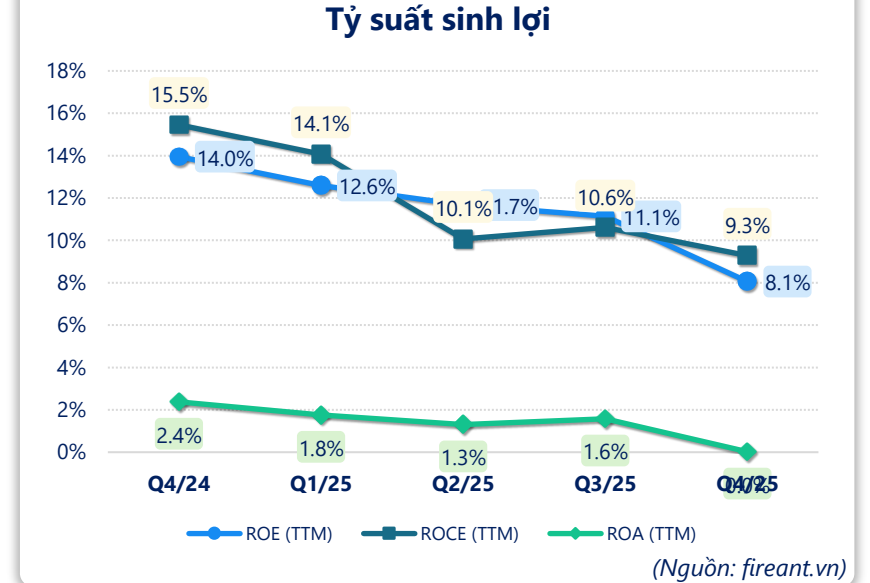
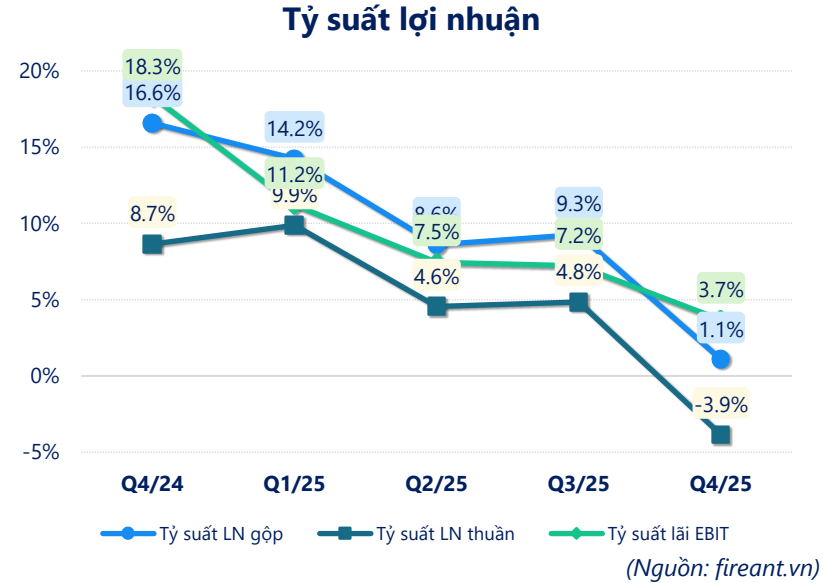
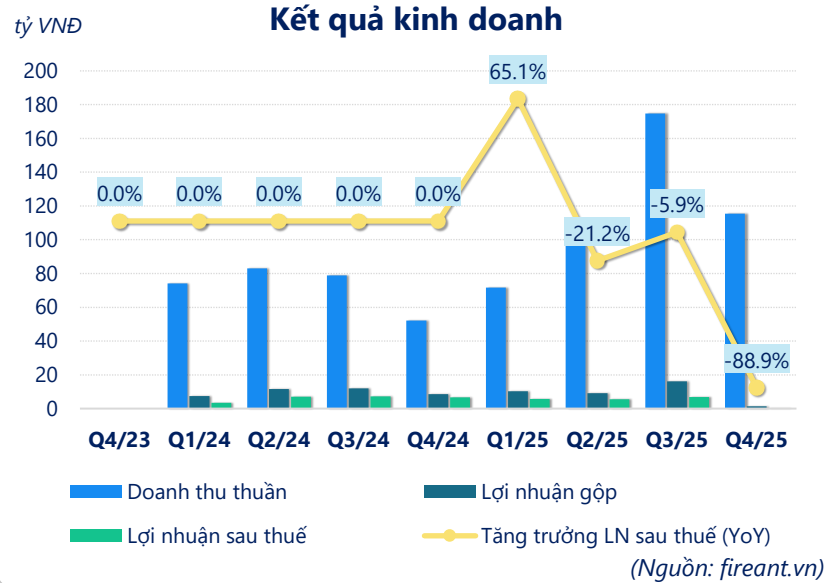


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,400
SL cổ phiếu LH		16,493,172
KLGD BQ 20 phiên (CP)		345
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		173
P/E		9.5
EPS		1,106

	YTD	1T	3T	6T
PTT	-7.9%	5.0%	-6.3%	-7.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	523	315	65.7%
Tài sản ngắn hạn	153	204	-24.6%
Tiền và tương đương tiền	11.5	12.3	-6.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	55.6	152	-63.4%
Phải thu ngắn hạn	60.8	22.5	170%
Hàng tồn kho	19.6	12.4	58.6%
Tài sản ngắn hạn khác	5.85	4.32	35.3%
Tài sản dài hạn	369	112	230%
Phải thu dài hạn	3.66	3.27	11.8%
Tài sản cố định	365	108	238%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.20	0.35	-41.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.01	0.02	-43.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	289	96.3	200%
Nợ ngắn hạn	87.9	42.4	107%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	43.9	13.9	216%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.1	17.0	-34.6%
Nợ dài hạn	201	53.8	274%
Vay và nợ thuê dài hạn	200	48.6	311%
Nguồn vốn chủ sở hữu	234	219	6.6%
Vốn chủ sở hữu	234	219	6.6%
Vốn điều lệ	165	165	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	52.1	71.7	107	175	115
Giá vốn hàng bán	43.5	61.5	97.4	158	114
Lợi nhuận gộp	8.64	10.2	9.17	16.2	1.25
Doanh thu HĐTC	2.31	2.30	1.72	1.59	1.77
Chi phí TC	1.10	1.02	0.94	3.98	4.32
Chi phí lãi vay	1.06	0.95	0.94	3.96	3.96
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	5.33	4.41	5.10	5.36	3.16
LN thuần từ HĐKD	4.51	7.08	4.85	8.46	-4.45
Lợi nhuận khác	3.97	0	2.16	0.19	4.75
LN trước thuế	8.48	7.08	7.01	8.65	0.30
Lợi nhuận sau thuế	6.68	5.65	5.59	6.90	0.10
LNST của CĐ cty mẹ	6.68	5.65	5.59	6.90	0.10

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-11.8	3.26	-0.48	12.7	-16.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.4	2.01	-195	-15.3	26.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.47	-3.47	196	-5.47	-5.47
Tiền đầu kỳ	17.2	12.3	14.1	14.8	6.67
Lưu chuyển tiền thuần	-4.80	1.79	0.64	-8.11	4.85
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.3	14.1	14.8	6.67	11.5

(Nguồn: fireant.vn)